

**CÔNG TY TÁI BẢO HIỂM PVI**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 8 năm 2011  
(ngày chính thức hoạt động) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011**

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6 - 7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 19



Số: 939 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Tái Bảo hiểm PVI**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 8 năm 2011 (ngày chính thức hoạt động) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Tái Bảo hiểm PVI (gọi tắt là "Công ty") từ trang 4 đến trang 19. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 8 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



**Trương Anh Hùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

**Thay mặt và đại diện cho  
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 17 tháng 02 năm 2012  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

  
**Trần Duy Cường**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0797/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MÃ SỐ B 01-DNBH**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+150)	<b>100</b>		<b>533.988.664.500</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>115.255.454.886</b>
1. Tiền mặt tại quỹ	111		205.833.670
2. Tiền gửi ngân hàng	112		11.049.621.216
3. Các khoản tương đương tiền	114		104.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>343.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn khác	128		343.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>75.576.845.674</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	7	61.649.870.437
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	133		41.907.708
3. Các khoản phải thu khác	138		13.885.067.529
<b>IV. Tài sản lưu động khác</b>	<b>150</b>		<b>156.363.940</b>
1. Tạm ứng	151		102.090.940
2. Chi phí trả trước	152		54.273.000
<b>B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b> (200=210+240)	<b>200</b>		<b>10.291.457.409</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>210</b>		<b>4.291.457.409</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	211	8	3.645.019.053
Nguyên giá	212		5.029.446.579
Giá trị hao mòn lũy kế	213		(1.384.427.526)
2. Tài sản cố định vô hình	217	9	646.438.356
Nguyên giá	218		650.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	219		(3.561.644)
<b>II. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>6.000.000.000</b>
1. Ký quỹ bảo hiểm	241		6.000.000.000
<b>TỔNG TÀI SẢN (250=100+200)</b>	<b>250</b>		<b>544.280.121.909</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	MẪU SỐ B 01-DNBH
			Đơn vị: VND 31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>83.869.158.909</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>66.170.632.551</b>
1. Phải trả cho người bán	313	10	53.498.978.520
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315		1.795.627.547
3. Phải trả công nhân viên	316		138.162.243
4. Các khoản phải trả, phải nộp khác	318		10.041.418.241
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		696.446.000
<b>II. Dự phòng nghiệp vụ</b>	<b>330</b>	<b>11</b>	<b>17.698.526.358</b>
1. Dự phòng phí	331		11.718.685.024
2. Dự phòng bồi thường	333		5.540.646.417
3. Dự phòng dao động lớn	334		439.194.917
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>460.410.963.000</b>
<b>I. Nguồn vốn, quỹ</b>	<b>410</b>		<b>460.410.963.000</b>
1. Nguồn vốn kinh doanh	411	12	460.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá	413		(15.665.867)
3. Quỹ dự trữ bắt buộc	416		426.628.867
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	418	12	-
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (430=300+400)</b>	<b>430</b>		<b>544.280.121.909</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Đơn vị	31/12/2011
1. Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ	USD	338.475,04
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	245,45



Lê Hoài Nam  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2012

Bùi Thị Hà  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 8 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU SỐ B 02A-DNBH**  
Đơn vị: VND

**PHẦN I: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ ngày 01/08/2011 đến ngày 31/12/2011</b>
1. Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		79.056.698.552
2. Các khoản giảm trừ	03		(64.417.732.777)
- Phí nhượng tái bảo hiểm	04		(64.384.343.388)
- Hoàn phí bảo hiểm	06		(32.524.581)
- Các khoản giảm trừ khác	07		(864.808)
3. (Tăng) dự phòng phí	08		(11.718.685.024)
4. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		10.259.819.056
5. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		110.471.563
<b>6. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>14</b>		<b>13.290.571.370</b>
7. (Tăng) dự phòng bồi thường	23		(5.540.646.417)
8. Số trích dự phòng dao động lớn trong kỳ	24		(439.194.917)
9. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	25		(10.708.712.283)
- Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	34		(10.708.712.283)
+ Chi hoa hồng	35		(10.509.780.181)
+ Chi khác	38		(198.932.102)
<b>10. Tổng chi trực tiếp kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>41</b>		<b>(16.688.553.617)</b>
<b>11. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>42</b>		<b>(3.397.982.247)</b>
12. Chi phí bán hàng	43		(2.860.394.304)
13. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44		(7.159.305.404)
<b>14. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>45</b>		<b>(13.417.681.955)</b>
15. Doanh thu hoạt động tài chính	46	13	24.499.858.509
16. Chi phí hoạt động tài chính	47		306.259.925
<b>17. Lợi nhuận hoạt động tài chính</b>	<b>51</b>		<b>24.806.118.434</b>
<b>18. Tổng lợi nhuận kế toán</b>	<b>55</b>		<b>11.388.436.479</b>
19. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	60	14	(2.855.859.120)
<b>20. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>61</b>		<b>8.532.577.359</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 8 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU SỐ B 02A-DNBH**  
Đơn vị: VND

**PHẦN II: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC**

	Số còn phải nộp tại ngày 01/08/2011	Phát sinh trong kỳ		Số còn phải nộp tại ngày 31/12/2011
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.855.859.120	1.678.659.817	1.177.199.303
Thuế, phí phải nộp khác	-	759.723.112	141.294.868	618.428.244
	-	<b>3.615.582.232</b>	<b>1.819.954.685</b>	<b>1.795.627.547</b>



**Lê Hoài Nam**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2012

**Bùi Thị Hà**  
Kế toán trưởng



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 8 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DNBH  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/08/2011 đến ngày 31/12/2011
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
1. Tiền thu phí và hoa hồng	01	20.581.597.863
2. Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	06	(7.154.002.155)
3. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	07	(3.659.031.833)
4. Trả tiền cho cán bộ công nhân viên	08	(3.418.377.120)
5. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	09	(1.980.102.382)
6. Trả tiền cho các khoản nợ khác	10	(284.801.251)
7. Tiền tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và ứng trước cho người bán	11	(2.158.564.616)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.926.718.506</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1. Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	21	136.000.000.000
2. Tiền thu từ lãi đầu tư khác	22	277.924.509
3. Tiền đầu tư vào các đơn vị khác	24	(479.000.000.000)
4. Tiền mua tài sản cố định	25	(3.651.807.179)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(346.373.882.670)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
1. Tiền thu do các chủ sở hữu góp vốn	32	459.702.619.050
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>459.702.619.050</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>115.255.454.886</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	115.255.454.886

### Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu do các chủ sở hữu góp vốn trong kỳ không bao gồm 297.380.950 đồng là số tiền nhận vốn góp bằng tài sản.



Lê Hoài Nam  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2012

Bùi Thị Hà  
Kế toán trưởng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DNBH**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Tái Bảo hiểm PVI (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 66 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 20 tháng 7 năm 2011.

Chủ sở hữu (Công ty Mẹ) của Công ty là Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “PVI Holdings”) tiền thân là Tổng Công Ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam. PVI Holdings sở hữu 100% vốn của Công ty.

Công ty chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 8 năm 2011 với tổng số vốn điều lệ là 460 tỷ đồng.

**Hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty như sau:

- Các nghiệp vụ tái bảo hiểm;
- Tư vấn và quản lý rủi ro;
- Phát triển và nghiên cứu sản phẩm;
- Cung cấp dịch vụ tư vấn và đào tạo kiến thức chuyên môn.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 32 người.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động đầu tiên từ ngày 01 tháng 8 năm 2011 (ngày chính thức đi vào hoạt động) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 8 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 16.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2011
	Số năm
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là “phần mềm máy tính”). Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**Ký quỹ bảo hiểm**

Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DNBH**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục nguồn vốn, quỹ trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Công ty trong kỳ từ ngày 01 tháng 8 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 tăng 15.665.867 đồng và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục nguồn vốn, quỹ trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 giảm 15.665.867 đồng so với áp dụng theo VAS10.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong kỳ, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Dự phòng nghiệp vụ**

Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96, Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 03 năm 2007, Thông tư số 156/2007/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 12 năm 2007 (đã được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2009), theo đó:

*Dự phòng phí:* Dự phòng phí được trích lập theo phương pháp 1/24.

*Dự phòng bồi thường:* Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm giữ lại đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.

Do Công ty mới hoạt động nên chưa có số liệu lịch sử để tính dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo (IBNR) theo quy định tại Thông tư số 156/2007/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007. Vì vậy, IBNR được tạm ước tính bằng 3% trên phí giữ lại cho các năm 2011, 2012 và 2013. Từ năm 2014 trở đi Công ty sẽ trích theo quy định tại Thông tư số 156/2007/TT-BTC. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng IBNR đã được đánh giá thận trọng và ghi nhận đầy đủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

*Dự phòng dao động lớn:* Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 về Hợp đồng bảo hiểm, các tổn thất chưa phát sinh và không tồn tại tại ngày lập báo cáo tài chính (bao gồm cả dự phòng dao động lớn) thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Công ty thực hiện chính sách dự phòng theo quy định của Bộ Tài chính; Do đó, dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với tất cả các loại hình nghiệp vụ là 3% phí giữ lại trong kỳ.

**Các quỹ tại doanh nghiệp**

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% mức vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ phúc lợi có thể được trích từ lợi nhuận sau thuế theo phê duyệt của PVI hoặc được PVI phân phối trở lại, được sử dụng cho các hoạt động mang tính chất an sinh xã hội và các hoạt động không liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh

**Ghi nhận doanh thu**

Phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Công ty và được xác nhận bởi Công ty.

Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với phí tái bảo hiểm đã ghi nhận trong kỳ.

Hoa hồng và các khoản thu khác từ hoạt động tái bảo hiểm được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

**Đối với các hoạt động khác**

Doanh thu từ các hoạt động khác của Công ty như cho thuê nhà, lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, cho vay được ghi nhận khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí**

Chi phí bồi thường được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Công ty và Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong kỳ và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2011
	<b>VND</b>
Tiền mặt tại quỹ	205.833.670
Tiền gửi ngân hàng	11.049.621.216
Các khoản tương đương tiền	104.000.000.000
	<b>115.255.454.886</b>

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có thời gian đáo hạn từ 3 tháng trở xuống tại các ngân hàng thương mại trong nước.

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2011
	<b>VND</b>
Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng	343.000.000.000
	<b>343.000.000.000</b>

Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng là tiền gửi có thời gian đáo hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước.

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2011
	<b>VND</b>
Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	48.770.234.110
Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	82.936.329
Phải thu về hoạt động tài chính	12.796.699.998
	<b>61.649.870.437</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**MÃ SỐ B 09-DNBH**

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị: VND

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/08/2011	-	-	-
Tăng trong kỳ	3.250.233.636	1.779.212.943	5.029.446.579
- Mua sắm mới	2.468.320.000	1.172.081.172	3.640.401.172
- Nhận bàn giao từ PVI Holdings	781.913.636	607.131.771	1.389.045.407
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>3.250.233.636</b>	<b>1.779.212.943</b>	<b>5.029.446.579</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/08/2011	-	-	-
Trích khấu hao	67.883.580	144.834.828	212.718.408
Nhận bàn giao từ PVI Holdings	781.913.636	389.795.482	1.171.709.118
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>849.797.216</b>	<b>534.630.310</b>	<b>1.384.427.526</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>2.400.436.420</b>	<b>1.244.582.633</b>	<b>3.645.019.053</b>
Tại ngày 01/08/2011	-	-	-

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị: VND

	Phần mềm máy tính
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/08/2011	-
Tăng trong kỳ	650.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>650.000.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/08/2011	-
Trích khấu hao	3.561.644
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>3.561.644</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>646.438.356</b>
Tại ngày 01/08/2011	-

**10. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN**

31/12/2011

VND

Phải trả về hoạt động nhận tái bảo hiểm	14.089.276
Phải trả về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	52.831.506.124
Các khoản phải trả khác cho người bán	653.383.120
	<b>53.498.978.520</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**11. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ**

Đơn vị: VND

	01/08/2011	Trích bổ sung trong kỳ	Sử dụng trong kỳ	31/12/2011
Dự phòng phí	-	11.718.685.024	-	11.718.685.024
Dự phòng bồi thường	-	5.540.646.417	-	5.540.646.417
Dự phòng dao động lớn	-	439.194.917	-	439.194.917
	-	<b>17.698.526.358</b>	-	<b>17.698.526.358</b>

**12. NGUỒN VỐN**

Đơn vị: VND

	Vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
<b>Tại ngày 01/08/2011</b>	-	-
Vốn góp	460.000.000.000	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	8.532.577.359
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (*)	-	(426.628.867)
Điều chuyển lợi nhuận về Công ty Cổ phần PVI (**)	-	(8.105.948.492)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>460.000.000.000</b>	-

(\*) Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Điều 30, Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007.

(\*\*) Điều chuyển lợi nhuận về Công ty Cổ phần PVI được thực hiện theo Quy chế tài chính của Công ty.

**Chi tiết vốn điều lệ:**

	Vốn đã góp tại ngày 31/12/2011	
	VND	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần PVI	460.000.000.000	100%
	<b>460.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**13. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01/08/2011  
 đến ngày 31/12/2011

	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	24.489.701.219
Lãi chênh lệch tỷ giá	10.157.290
	<b>24.499.858.509</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DNBH**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

**14. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<u>Từ ngày 01/08/2011</u> <u>đến ngày 31/12/2011</u>
	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>11.388.436.479</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	35.000.000
- <i>Thù lao cho Hội đồng Thành viên</i>	<i>35.000.000</i>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>11.423.436.479</b>
Thuế suất thông thường	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b><u>2.855.859.120</u></b>

**15. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Công ty đã có giao dịch với các bên liên quan trong kỳ như sau:*

	<u>Từ ngày 01/08/2011</u> <u>đến ngày 31/12/2011</u>
	VND
<b>Mua tài sản cố định vô hình</b>	
Công ty Cổ phần PVI	650.000.000
<b>Nhận vốn góp</b>	
Công ty Cổ phần PVI	460.000.000.000
<b>Doanh thu nhận tái bảo hiểm</b>	
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	68.380.936.312
<b>Chi hoa hồng, chi kinh doanh khác nhận tái bảo hiểm</b>	
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	8.031.429.420
<b>Chuyển phí nhượng tái</b>	
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	5.508.544.858
<b>Doanh thu hoa hồng nhượng tái</b>	
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	1.499.802.456
<b>Thu khác hoạt động nhượng tái</b>	
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	2.106.909
<b>Chi khác hoạt động nhận tái</b>	
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	68.201.923
<b>Điều chuyển lợi nhuận</b>	
Công ty Cổ phần PVI	8.105.948.493
<b>Chi phí thuê văn phòng</b>	
Công ty Cổ phần PVI	409.064.727

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**15. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ ĐỐI VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	<u>31/12/2011</u> <u>VND</u>
<b>Các khoản phải thu</b>	
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	42.861.302.062
Công ty Cổ phần PVI	2.400.000.000
<b>Các khoản phải trả</b>	
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	4.016.365.228
Công ty Cổ phần PVI	9.205.919.691

**Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc**

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ là 1.650.344.062 đồng.

**16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ</u> <u>31/12/2011</u> <u>VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>	
Tiền và các khoản tương đương tiền	115.255.454.886
Phải thu khách hàng và phải thu khác	75.534.937.966
Đầu tư ngắn hạn khác	343.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<u>533.790.392.852</u>
<b>Công nợ tài chính</b>	
Phải trả người bán và phải trả khác	63.540.396.761
Dự phòng nghiệp vụ	5.540.646.417
<b>Tổng cộng</b>	<u>69.081.043.178</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

**16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

*Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính*

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Rủi ro thị trường*

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	<u>Công nợ</u>	<u>Tài sản</u>
	31/12/2011	31/12/2011
	VND tương đương	VND tương đương
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	45.332.783.919	39.361.250.940
<i>Ringít Malaysia (MYR)</i>	1.030.893.482	1.160.851.607

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty là tái bảo hiểm nên rủi ro tín dụng của Công ty tập trung vào các đối tượng khách hàng kinh doanh bảo hiểm gốc.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

**16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

**31/12/2011**

**Dưới 1 năm**

VND

Phải trả người bán và phải trả khác  
Dự phòng nghiệp vụ

63.540.396.761  
5.540.646.417

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**31/12/2011**

**Dưới 1 năm**

VND

Tiền và các khoản tương đương tiền  
Phải thu khách hàng và phải thu khác  
Đầu tư ngắn hạn khác

115.255.454.886  
75.534.937.966  
343.000.000.000

**17. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Báo cáo tài chính được lập cho kỳ từ ngày 01 tháng 8 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 là kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty nên không có số liệu so sánh.



Lê Hoài Nam  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2012

Bùi Thị Hà  
Kế toán trưởng